

**CÔNG TY TNHH TOKYO KEIKI
PRECISION TECHNOLOGY**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/2025/CV-TPT
V/v công khai giấy phép môi trường của
dự án “Tokyo Keiki Precision
Technology”

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÒA LIÊN

Chúng tôi là Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology (Sau đây gọi tắt là Công ty) có địa chỉ tại Lô A15-6, Đường Trung tâm, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; là chủ đầu tư của Dự án “Tokyo Keiki Precision Technology” (Dự án) tại Lô A15-6, Đường Trung tâm, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Dự án đã được Ban quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng (Ban Quản lý) cấp Giấy phép môi trường (GPMT) số 1892/GPMT-BQL ngày 22/08/2024.

Theo quy định tại điểm đ, Khoản 2, Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và Khoản 1, Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, chúng tôi xin công khai đến Ủy ban nhân dân xã Hòa Liên Giấy phép môi trường của dự án “Tokyo Keiki Precision Technology”.

Kính đề nghị UBND xã Hòa Liên công khai giấy phép môi trường cho Dự án: “Tokyo Keiki Precision Technology”./.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY TNHH TOKYO KEIKI PRECISION
TECHNOLOGY**

Tổng giám đốc



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0401515729

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 10 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 17 tháng 06 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TOKYO KEIKI PRECISION TECHNOLOGY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOKYO KEIKI PRECISION TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TOKYO KEIKI PRECISION TECHNOLOGY CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô A15-6, đường Trung tâm, Khu Công nghệ cao Đà Nẵng, Xã Hoà Liên, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236.3733833

Email:

Fax: 0236.3733833

Website:

3. Vốn điều lệ

182.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm tám mươi hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY TOKYO KEIKI INC.

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0108-01-008436

Ngày cấp: 21/12/1948 Nơi cấp: Phòng ĐKKD Cục pháp vụ Tokyo, Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: 2 -16 - 46, Minami - Kamata, Ohta-Ku, Tokyo 144 - 8551, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TAMURA DAISUKE

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 13/05/1974

Dân tộc:

Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TT2371590

Ngày cấp: 24/08/2022

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: 327-0818, 58-10 Yoneyama minami-cho, Sano-shi, Tochigi-ken, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: 24 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 14-05-2025

Số: 2409 Quyền số: SCT/BS

CHỦ TỊCH UBND XÃ HÒA LIÊN

TRƯỞNG PHÒNG



Đoàn Việt Tiến



Ngô Thành Tâm

**BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8751241432

Chứng nhận lần đầu: ngày 04 tháng 10 năm 2012

Chứng nhận thay đổi lần thứ năm: ngày 23 tháng 8 năm 2018

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu công nghệ cao Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology nộp ngày 21 tháng 8 năm 2018,

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư TOKYO KEIKI PRECISION TECHNOLOGY; mã số dự án 8751241432, do Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng cấp ngày 02/5/2018;

Được đăng ký điều chỉnh người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư.

Nhà đầu tư: Công ty TOKYO KEIKI INC.

Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0108-01-008436 do Cục Pháp vụ Tokyo, Nhật Bản cấp ngày 21/12/1948.

Địa chỉ trụ sở chính: 2-16-46, Minami-Kamata, Ohta-Ku, Tokyo 144-8551, Nhật Bản.



Người đại diện theo pháp luật: Ông ANDO TSUYOSHI, sinh ngày 02/6/1956, quốc tịch Nhật Bản, Hộ chiếu số TK0287949 cấp ngày 30/9/2009 tại Bộ Ngoại giao Nhật Bản, địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay tại 172-8 Asanumacho, thành phố Sano, tỉnh Tochigi, Nhật Bản, chức vụ: Giám đốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology, mã số doanh nghiệp 0401515729 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp đổi ngày 16/6/2016 từ nội dung đăng ký kinh doanh của Giấy chứng nhận đầu tư số 323043000001 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 04/10/2012.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **TOKYO KEIKI PRECISION TECHNOLOGY**

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất sản phẩm và linh kiện thiết bị thủy lực (van điện từ, bơm,...).

Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

3. Quy mô dự án:

- Van chuyển mạch điện từ loại nhỏ: 600.000 sản phẩm/năm;
- Van chuyển mạch điện từ loại vừa: 60.000 sản phẩm/năm;
- Bơm cánh quạt áp lực cao, bơm piston áp lực cao và các thiết bị điều khiển đi kèm: 16.600 sản phẩm/năm;
- Linh kiện van chuyển mạch điện từ loại nhỏ: 100.000 linh kiện/năm;
- Linh kiện van chuyển mạch điện từ loại vừa: 80.000 linh kiện/năm;
- Linh kiện bơm cánh quạt áp lực cao, linh kiện bơm piston áp lực cao và các thiết bị điều khiển đi kèm: 30.000 linh kiện/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô A15-6, đường Trung tâm, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 03 ha.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 832.000.000.000 (tám trăm ba mươi hai tỷ) đồng, tương đương 40.000.000 (bốn mươi triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 182.000.000.000 (một trăm tám mươi hai tỷ) đồng, tương đương 8.750.000 (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 21,9% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau: **Công ty TOKYO KEIKI INC.** góp 182.000.000.000 (một trăm tám mươi hai tỷ) đồng Việt Nam, tương đương 8.750.000 (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đô la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm 100% vốn góp, trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

8. Tiến độ thực hiện và hoàn thành dự án đầu tư:

Giai đoạn 1:

- Năm 2013-2014: Xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị.

- Năm 2015: Đưa dự án vào triển khai hoạt động.

Giai đoạn 2:

- Tháng 05/2020 đến tháng 10/2020: Khởi công xây dựng các hạng mục công trình: văn phòng, nhà xưởng sản xuất B, nhà kho, bãi đỗ xe, nhà bảo vệ, nhà để máy phát điện, sân, đường nội bộ, cây xanh, bảng biển và các công trình phụ trợ khác.

- Tháng 10/2020 đến tháng 11/2020: Lắp đặt máy móc thiết bị để sản xuất bơm cánh quạt áp lực cao, bơm piston áp lực cao và các thiết bị điều khiển đi kèm.

- Tháng 12/2020: Sản xuất bơm cánh quạt áp lực cao, bơm piston áp lực cao và các thiết bị điều khiển đi kèm.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04/01/2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04/01/2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

4. Ưu đãi về tiền sử dụng hạ tầng, hỗ trợ đầu tư

Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Quy định của UBND thành phố Đà Nẵng về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng (hiện nay áp dụng

theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng).

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường (trong đó có việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường), xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy, phòng chống cháy nổ và bảo đảm an toàn lao động trình cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam phê duyệt trước khi đi vào hoạt động và triển khai dự án tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng đúng tiến độ và các nội dung đã cam kết tại hồ sơ đăng ký đầu tư.

3. Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, theo đúng quy định tại các điều khoản của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này. Trường hợp chủ đầu tư có vi phạm như: không thực hiện đúng nội dung dự án; công nghệ của dự án; vốn đầu tư thực hiện dự án và các nội dung đã cam kết tại hồ sơ đăng ký đầu tư, hợp đồng thuê đất ... (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền), Ban Quản lý Khu công nghệ cao có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi phần đất vi phạm hoặc chưa triển khai mà không phải bồi hoàn tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

4. Việc xây dựng các công trình của dự án phải tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế Quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 323043000001 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 04/10/2012 và các giấy điều chỉnh lần thứ nhất ngày 27/12/2012, lần thứ hai ngày 17/7/2013, lần thứ ba ngày 07/7/2016 và lần thứ tư ngày 02/5/2018.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc, 01 bản cấp cho Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

Ngày:

Số: 2010/..... Quyển số: 05.....SCT/BS

CHỦ TỊCH UBND XÃ HÒA LIÊN



Đoàn Ngọc Hùng Anh

Số: 132/GPMT-BQL

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 8 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung và các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và giải trình, chỉnh sửa bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Tokyo Keiki Precision Technology" tại Công văn số 15/2024/CV-TPT ngày 8 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology địa chỉ tại lô A15-6, đường Trung tâm, Khu công nghệ cao, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Tokyo Keiki Precision Technology" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Tokyo Keiki Precision Technology

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A15-6, đường Trung tâm, Khu công nghệ cao, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư: Số 8751241432 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 23 tháng 8 năm 2018.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0401515729 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 06 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0401515729

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm và linh kiện thiết bị thủy lực (van chuyển mạch điện từ, linh kiện van chuyển mạch điện từ, bơm,...)

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích sử dụng đất: 3ha theo Giấy chứng nhận đầu tư Số 8751241432 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 23 tháng 8 năm 2018; Diện tích đất thuê thực tế 30.395m² theo Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTD-BQLKCNC ngày 03 tháng 10 năm 2014.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Tổng công suất sản xuất 886.600 sản phẩm/năm, trong đó:

+ Van chuyển mạch điện từ loại nhỏ: 600.000 sản phẩm/năm

+ Van chuyển mạch điện từ loại vừa: 60.000 sản phẩm/năm

+ Bơm cánh quạt áp lực cao, bơm piston áp lực cao và các thiết bị điều khiển đi kèm: 16.600 sản phẩm/năm

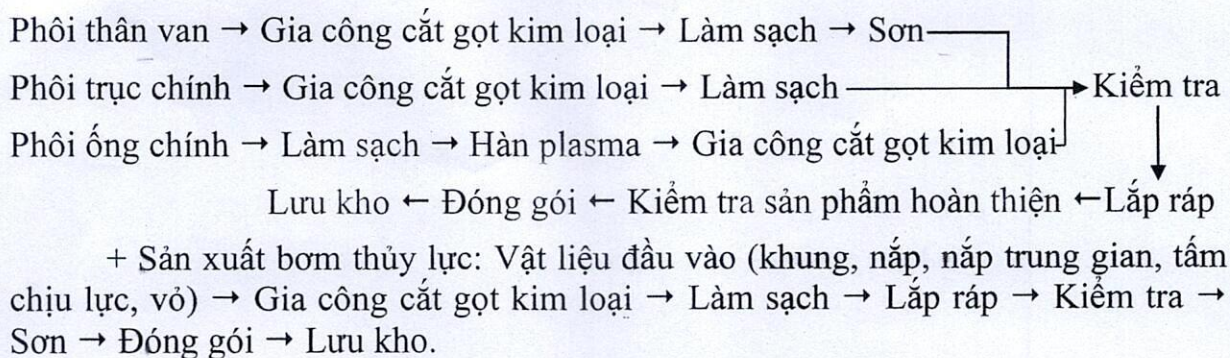
+ Linh kiện van chuyển mạch điện từ loại nhỏ: 100.000 linh kiện /năm

+ Linh kiện van chuyển mạch điện từ loại vừa: 80.000 linh kiện/năm

+ Linh kiện bơm cánh quạt áp lực cao, linh kiện bơm piston áp lực cao và các thiết bị điều khiển đi kèm: 30.000 linh kiện/năm

- Quy trình công nghệ:

+ Sản xuất van thủy lực các loại:



2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hòa Vang, UBND xã Hòa Liên và các cơ quan chức năng liên quan khác nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy

định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 (Mười) năm**

(Từ ngày 22 tháng 8 năm 2024 đến ngày 22 tháng 8 năm 2034)

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Tokyo Keiki Precision Technology” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (b/cáo);
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Liên;
- Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý;
- Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology;
- Trung tâm DVTH;
- Trưởng ban Ban Quản lý (b/cáo);
- Lưu: VT, QLMT, KHCN&UT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Thái Ngọc Trung

**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 14-05-2025

Số: 2111 Quyển số: 05 SCT/BS

CHỦ TỊCH UBND XÃ HÒA LIÊN



Ngô Thành Tâm

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 132/GPMT-BQL ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghệ cao Đà Nẵng và dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao Đà Nẵng, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải nhà vệ sinh → Đường ống PVC D110 → Bể tự hoại → Đường ống PVC D250, $i = 0,4\%$ → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt $30\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ → Điểm đầu nối nước thải có tọa độ $X = 1779995$, $Y = 534884$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$ múi chiều 3° đường số 5, Khu công nghệ cao → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

- Nước thải vệ sinh tay chân, tắm rửa, vệ sinh sàn → Đường ống PVC D250, $i = 0,4\%$ → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt $30\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ → Điểm đầu nối nước thải có tọa độ $X = 1779995$, $Y = 534884$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$ múi chiều 3° đường số 5, Khu công nghệ cao → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

- Nước thải nhà bếp → Bể tách mỡ → Đường ống PVC D250, $i = 0,4\%$ → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt $30\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ → Điểm đầu nối nước thải có tọa độ $X = 1779995$, $Y = 534884$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$ múi chiều 3° đường số 5, Khu công nghệ cao → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ

* Bể tự hoại 03 ngăn:

- Vị trí: Khu vực văn phòng sau nhà xưởng (02 bể); phòng bảo vệ (01 bể)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → Hồ ga → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $30\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

- Công suất thiết kế:

+ 01 bể tại phòng bảo vệ có dung tích 2m^3 .

+ 02 bể tại khu vực văn phòng sau nhà xưởng có dung tích $10\text{ m}^3/\text{bể}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

* Bể tách dầu mỡ

- Vị trí: 02 bể tại khu vực nhà ăn, phía sau nhà xưởng

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tách dầu mỡ → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $30\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

- Công suất thiết kế: 2m^3

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

b) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt $30\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hố ga → Bể điều hòa → Bể hiếu khí 01 → Bể hiếu khí 02 → Bể hiếu khí 03 → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước Khu công nghệ cao → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

- Công suất thiết kế: $30\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm đảm bảo đạt chất lượng theo thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghệ cao Đà Nẵng).

- Chế độ vận hành: 24/24h

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt $30\text{m}^3/\text{ngày đêm}$:

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; các thiết bị quan trọng phải có dự phòng để thay thế khi có sự cố.

- Thường xuyên theo dõi giám sát hệ thống xử lý nước thải, kịp thời báo cáo lên Ban Giám đốc các vấn đề phát sinh trong hệ thống như: hư hỏng máy móc, vận hành không đúng quy định, từ đó có các giải pháp khắc phục hợp lý.

- Hàng ngày kiểm tra hiện trạng hoạt động của tủ điều khiển, máy thổi khí.

- Vệ sinh bảo dưỡng thường xuyên kịp thời phát hiện và xử lý những sự cố phát sinh.

- Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm sau 30 ngày kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày đêm.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Ngăn thu gom đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.
- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Đường ống thoát nước thải sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology phải giám sát các thông số ô nhiễm có trong nước thải sau khi được xử lý, đảm bảo đạt yêu cầu các thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả thải vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghệ cao Đà Nẵng theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải ký kết giữa Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Khu công nghệ cao Đà Nẵng.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 30m³/ngày đêm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao Đà Nẵng; công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải theo quy định; Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục b 2.2. Phần B của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1842/GPMT-BQL ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- * Nguồn thải có hệ thống xử lý khí thải
 - Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống buồng phun sơn 1
 - Nguồn số 02: Khí thải từ hệ thống buồng phun sơn 2
- * Nguồn thải không có hệ thống xử lý
 - Nguồn số 03: Khí thải từ nhà bếp
 - Nguồn số 04: Khí thải từ máy phát điện dự phòng 80KVA
- * Nguồn thải khác (không phải khí thải)
 - Nguồn số 05: Từ thông gió nhà kho chứa dầu

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải số 01 (tương ứng với ống thải khí sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn 1, nguồn số 01)

- Vị trí xả khí thải: Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn 1
- Tọa độ vị trí: X= 1780013; Y= 534867 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.700 m³/giờ
- Phương thức xả khí thải: Liên tục theo quá trình hoạt động sản xuất

2.2. Dòng khí thải số 02 (tương ứng với ống thải khí sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn 2, nguồn số 02)

- Vị trí xả khí thải: Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn 2
- Tọa độ vị trí: X= 1780014; Y= 534870 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.700 m³/giờ
- Phương thức xả khí thải: Liên tục theo quá trình hoạt động sản xuất

Vị trí xả khí thải trong phạm đất của cơ sở Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology, lô A15-6, đường Trung tâm, Khu công nghệ cao, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ⁽¹⁾ cột B với hệ số $K_p=1$, $K_v=1$ và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ⁽²⁾, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200 ⁽¹⁾	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ, tự động liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	
2	Xylen	mg/Nm ³	870 ⁽²⁾		
3	Toluen	mg/Nm ³	750 ⁽²⁾		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01, 02: Khí thải từ buồng phun sơn 1, 2 → Hệ thống xử lý khí thải
→ Xả ra ngoài môi trường qua ống khói tương ứng dòng khí thải 01, 02.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Hệ thống xử lý khí thải từ buồng phun sơn

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải từ buồng phun sơn → Màn hình hấp phụ (tấm xơ dừa) → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói.

- Công suất thiết kế: 5.700m³/giờ/ hệ thống

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất; Vật liệu hấp phụ là tấm xơ dừa.

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra các hệ thống cấp điện cho quạt hút để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Ban hành và tuân thủ quy trình vận hành các hệ thống xử lý khí thải, xây dựng kịch bản ứng cứu khi có sự cố xảy ra và trang bị kiến thức chuyên môn cho đội ngũ vận hành hệ thống xử lý khí thải.

- Dừng ngay công đoạn sản xuất tại nơi có hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm sau 30 ngày kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn 1.
- Hệ thống xử lý khí thải buồng phun sơn 2.

a) Vị trí lấy mẫu: Tại các ống khói sau xử lý của các thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology phải giám sát các thông số ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và thực hiện đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống, thiết bị xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tương ứng tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống, thiết bị, công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường. Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục b 2.2 Phần B của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu sử dụng để vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Các nguồn thải khác (không phải khí thải) như thông gió khu vực chứa dầu đảm bảo đúng mục đích thông gió, điều hòa không khí; nguồn khí thải không phải kiểm soát bao gồm khí thải từ hoạt động nhà bếp và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu sạch đáp ứng yêu cầu về chất lượng

theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.



Phụ lục III
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1892/GPMT-BQL ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực máy rửa cao áp
- Nguồn số 02: Khu vực máy kiểm tra tự động
- Nguồn số 03: Khu vực gia công (thân van) – Máy tiện NC
- Nguồn số 04: Khu vực máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1 có tọa độ: X= 1778270; Y= 532743
- Nguồn số 2 có tọa độ: X= 1778101; Y= 532827
- Nguồn số 3 có tọa độ: X=1778109; Y= 532851
- Nguồn số 4 có tọa độ: X= 1778125; Y= 533680

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục IV

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 132/GPMT-BQL ngày 22 tháng 8 năm 2024 của
Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dung dịch làm mát, tẩy rửa có các thành phần nguy hại	07 01 06	91.700
2	Dung dịch thải lẫn dầu từ quá trình gia công	07 03 04	27.200
3	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công	07 03 05	800
4	Bao bì cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	2.585
5	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	8.536
6	Hộp mực in thải chứa thành phần nguy hại	08 02 04	245
7	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	2
8	Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình kim loại	07 03 07	5.180
9	Cặn sơn, sơn, màng hấp phụ	08 01 01	6.435
10	Giấy nhám, đá mài đã qua sử dụng	07 03 10	495
11	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	5
12	Phoi lẫn dầu từ quá trình gia công tạo hình kim loại	07 03 11	500
Tổng khối lượng			143.683

Đối với chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát thực hiện phân định, phân loại theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (không bao gồm các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường được phép tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất, có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được quản lý như đối với sản phẩm, hàng hóa)

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phoi gang	12 08 04	200.000
2	Gang	12 08 04	735
3	Phuy sắt	18 01 08	3.240
4	Thép	12 08 04	5.528
5	Phoi thép	12 08 04	53.760
6	Nhôm	12 08 04	5
7	Bao bì Nhựa	18 01 06	30
8	Dây đồng	12 08 05	165
9	Giấy carton và giấy thông thường	18 01 05	9.600
10	Các loại chất thải khác không thể tái chế	-	300
Tổng khối lượng			278.063

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: $26 \div 32$ tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng loại 20 lít (dung dịch rửa thải), can nhựa, thùng phuy sắt chuyên dụng loại 20 lít 50 lít 200 lít (dầu thải), thùng chứa 100-300 lít (phoi kim loại nhiễm dầu, giẻ lau, bao bì, bóng đèn huỳnh quang,...) được lưu chứa riêng biệt, dán nhãn, phân loại mã chất thải nguy hại và đáp ứng yêu cầu tại khoản 4, 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

b) Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa: Bố trí 02 kho (kho chứa dầu thải + kho chứa chất thải nguy hại khác) với diện tích mỗi kho $28m^2$

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền ximang, cửa kho có gờ chắn cao 200mm so với mặt đường xung quanh, đảm bảo kín khít, không bị nước mưa chảy tràn vào; Tường gạch, mái tôn, xà cồ, kèo thép, che kín nắng mưa cho toàn bộ kho lưu giữ; Cửa kho bằng sắt.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường có thể tái chế như: gang, phoi gang, thép, phoi thép, bao bì, giấy carton, sản phẩm hỏng,... được thu gom, phân loại và lưu chứa các thùng nhựa (60 lít, 120 lít,...) bố trí riêng trong mỗi phân xưởng sản xuất, được thu gom lại và tập kết lưu trữ bằng thùng nhựa chứa loại 120-240 lít đặt tại kho chứa chất thải rắn sản xuất.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường không tái chế: được phân loại, thu gom, lưu trữ các thùng chứa đặt trong các nhà xưởng, thu gom tập kết lưu trữ bằng thùng chứa 240 lít, đặt tại kho chứa chất thải rắn sản xuất.

b) Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa: 28m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Trần mái BTCT, nền ximang, kết cấu tường gạch; có hệ thống thu gom thoát nước mưa xung quanh; gắn biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa bằng vật liệu nhựa, có nắp đậy loại 20 lít, 120 lít và 240 lít tại khu văn phòng làm việc, bên trong và bên ngoài nhà xưởng, khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

b) Khu vực lưu chứa

- Diện tích khu vực lưu chứa: 6m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền bê tông cao 400mm so với mặt đường nội bộ xung quanh, phía trên có mái che (mái che sử dụng mái hiên của kho chất thải nguy hại và kho dầu thải).

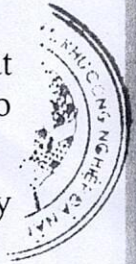
2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.



Phụ lục V**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1992/GPMT-BQL ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Theo Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2014 của UBND thành phố về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà xưởng sản xuất của Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology, địa điểm Lô A15, đường Trung tâm – đường số 5, Khu công nghệ cao, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology tiếp tục triển khai thực hiện:

- Đầu tư xây dựng 02 nhà xưởng sản xuất và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (nếu có).

- Đầu tư, lắp đặt 01 buồng phun sơn + 01 hệ thống xử lý bụi sơn (nhập khẩu từ Nhật Bản).

2. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình, sản xuất và các yêu cầu bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology có trách nhiệm thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép môi trường cho các hạng mục công trình bảo vệ môi trường này theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

3. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Tokyo Keiki Precision Technology hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn



công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh tại Phụ lục 4 (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường) hoặc đột xuất; báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và gửi đến các cơ quan sau đây: Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Liên Chiểu, Công ty Khai thác và phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đà Nẵng trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo. Hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường và phương thức gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

